Nội dung bài viết

1. Bộ 23 bài tập trắc nghiệm Sinh 12 Bài 37: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật
2. Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh lớp 12 Bài 37: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật

## *Bộ 23 bài tập trắc nghiệm Sinh 12 Bài 37: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật*

**Câu 1:** Điều không đúng khi kết luận mật độ quần thể là mật độ có ảnh hưởng tới

A. Mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường và tác động của loài đó trong quần xã

B. Mức độ lan truyền của vật kí sinh

C. Tần số gặp nhau giữa các cá thể trong mùa sinh sản

D. Các cá thể trưởng thành

**Câu 2:** Kiểu phân bố ngẫu nhiên có ý nghĩa sinh thái là?

A. Tận dụng nguồn sống thuận lợi.

B. Phát huy hiệu quả hỗ trợ cùng loài.

C. Giảm cạnh tranh cùng loài.

D. Hỗ trợ cùng loài và giảm cạnh tranh cùng loài.

**Câu 3:** Phân bố cá thể theo nhóm là

A. Kiểu phân bố phổ biến nhất, thường gặp ở những sinh vật sống bầy đàn

B. Kiểu phân bố thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều

C. Kiểu phân bố làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

D. Kiểu phân bố giúp sinh vật tận dụng được nguồn sống tiềm tàng trong môi trường

**Câu 4:** Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi?

A. Điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

B. Điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. Điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

D. Các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

**Câu 5:** Mức độ cá thể trong quần thể là nhân tố điều chỉnh

A. Cấu trúc tuổi của quần thể

B. Kiểu phân bố cá thể của quần thể

C. Sức sinh sản và mức độ tử vong của các cá thể trong quần thể

D. Tỉ lệ giới tính trong quần thể

**Câu 6:** Trong cấu trúc tuổi của quần thể sinh vật, tuổi quần thể là:

A. Tuổi thọ trung bình của các cá thể trong quần thể.

B. Thời gian để quần thể tăng trưởng và phát triển.

C. Thời gian sống của 1 cá thể có tuổi thọ cao nhất trong quần thể.

D. Thời gian tồn tại thực của quần thể trong tự nhiên.

**Câu 7:** Ở điều kiện bình thường trong tự nhiên, quần thể thường có xu hướng ở dạng tháp tuổi nào?

A. Dạng suy vong

B. Dạng phát triển

C. Dạng ổn định

D. Tùy từng loài

**Câu 8:** Khi nói về cấu trúc tuổi của quần thể, kết luận nào sau đây đúng?

A. Ở tất cả các quần thể, nhóm tuổi đang sinh sản luôn có số lượng cá thể nhiều hơn nhóm tuổi sau sinh sản.

B. Quần thể sẽ diệt vong nếu số lượng cá thể ở nhóm tuổi trước sinh sản ít hơn số lượng cá thể ở nhóm tuổi đang sinh sản.

C. Cấu trúc tuổi của quần thể thường thay đổi theo chu kì mùa, ở loài nào có vùng phân bố rộng thì thường có cấu trúc tuổi phức tạp hơn loài có vùng phân bố hẹp.

D. Khi số lượng cá thể của nhóm tuổi sau sinh sản ít hơn số lượng cá thể của nhóm tuổi trước sinh sản thì quần thể đang phát triển.

**Câu 9:** Các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể là

A. Cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố cá thể, mật độ, kích thước, kiểu tăng trưởng

B. Sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

C. Cấu trúc giới tính, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

D. Độ nhiều, sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**Câu 10:** Tuổi sinh thái của quần thể là

A. Thời gian sống thực tế của cá thể

B. Tuổi bình quân của quần thể

C. Tuổi thọ do môi trường quyết định

D. Tuổi thọ trung bình của loài

**Câu 11:** Mật độ cá thể của quần thể được xem là đặc trưng cơ bản nhất của quần thể vì mật độ

A. Thể hiện chiều hướng phát triển của quần xã tương ứng với sự biến đổi của điều kiện môi trường.

B. Ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường, tới khả năng sinh sản và tử vong của cá thể trong quần thể.

C. Là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ thích nghi của cá thể sinh vật cũng như quần thể với môi trường.

D. Phản ánh khả năng cạnh tranh của quần thể sinh vật này với quần thể thuộc loài khác trong cùng một môi trường sống.

**Câu 12:** Dấu hiệu nào không phải là đặc trưng của quần thể?

A. Mật độ

B. Tỉ lệ đực – cái

C. Sức sinh sản

D. Độ đa dạng

**Câu 13:** Mật độ cá thể trong quần thể là nhân tố điều chỉnh :

A. Cấu trúc tuổi của quần thể.

B. Kiểu phân bố cá thể của quần thể.

C. Sức sinh sản và mức độ tử vong các cá thể trong quần thể.

D. Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể.

**Câu 14:** Tuổi quần thể là

A. Thời gian quần thể tồn tại ở sinh cảnh

B. Tuổi thọ trung bình của loài

C. Thời gian sống thực tế của cá thể

D. Tuổi bình quân của các cá thể trong quần thể

**Câu 15:** Những kiểu phân bố cá thể chủ yếu của quần thể là

A. Phân bố đồng đều và phân bố ngẫu nhiên

B. Phân bố theo nhóm và phân bố ngẫu nhiên

C. Phân bố theo nhóm và phân bố đồng đều

D. Phân bố đồng đều, phân bố ngẫu nhiên và phân bố theo nhóm

**Câu 16:** Xét 3 quần thể có số lượng cá thể của các nhóm tuổi như sau:

| Quần thể | Tuổi trước sinh sản | Tuổi sinh sản | Tuổi sau sinh sản |
|---|---|---|---|
| Số 1 | 150 | 149 | 120 |
| Số 2 | 200 | 120 | 70 |
| Số 3 | 100 | 120 | 155 |

Kết luận nào sau đây đúng nhất?

A. Quần thể số 1 được gọi là quần thể suy thoái

B. Quần thể số 2 được gọi là quần thể trẻ

C. Quần thể số 3 được gọi là quần thể ổn định

D. Ở quần thể số 3, số lượng cá thể tiếp tục được tăng lên

**Câu 17:** Yếu tố quan trọng nhất chi phối cơ chế tự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể là

A. Sức sinh sản

B. Nguồn thức ăn và kẻ thù từ môi trường

C. Các yếu tố không phụ thuộc vào mật độ

D. Sức tăng trưởng của quần thể.

**Câu 18:** Tuổi sinh lí của quần thể

A. Thời gian sống thực tế của cá thể

B. Thời gian sống có thể đạt tới của 1 cá thể trong quần thể

C. Tuổi thọ do môi trường quyết định

D. Tuổi thọ trung bình của loài

**Câu 19:** Một quần thể với cấu trúc 3 nhóm tuổi: trước sinh sản, đang sinh sản và sau sinh sản sẽ bị diệt vong khi mất đi nhóm

A. Đang sinh sản và sau sinh sản.

B. Đang sinh sản.

C. Trước sinh sản và đang sinh sản.

D. Trước sinh sản.

**Câu 20:** Mật độ cá thể trong quần thể có ảnh hưởng tới

A. Cấu trúc tuổi của quần thể

B. Kiểu phân bố cá thể của quần thể

C. Khả năng sinh sản và mức độ tử vong của các cá thể trong quần thể

D. Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 21:** Trong quần thể, sự phân bố ngẫu nhiên của các cá thể có ý nghĩa

A. Giúp sinh vật tận dụng nguồn sống tiềm tàng trong môi trường

B. Làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

C. Giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường

D. Làm biến đổi thành phần kiểu gen và tần số alen của quần thể

**Câu 22:** Khi nói về các đặc trưng của quần thể, nhận định nào sau đây sai?

A. Khi mật độ quần thể ở mức trung bình thì sức sinh sản của quần thể lớn nhất.

B. Phân bố đồng đều thường gặp khi các điều kiện sống phân bố 1 cách đồng đều trong môi trường và giữa các cá thể không có sự cạnh tranh gay gắt.

C. Mật độ quần thể thường không cố định và thay đổi theo mùa hay theo điều kiện sống.

D. Tỉ lệ giới tính đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi.

**Câu 23:** Cho các phát biểu sau về sự phân bố của quần thể:

1. Sự phân bố cá thể của quần thể có ảnh hưởng tới khả năng khai thác nguồn sống trong khu vực phân bố.
2. Kiểu phân bố của quần thể các cây ở bụi hoang mạc là kiểu phân bố ngẫu nhiên
3. Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều là làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể
4. Kiểu phân bố theo nhóm xảy ra khi điều kiện môi trường sống không đồng đều, các cá thể sống bầy đàn, trú đông.

Phương án đúng là:

A. (1) đúng, (2) sai, (3) đúng, (4) đúng

B. (1) đúng, (2) sai, (3) đúng, (4) sai

C. (1) đúng, (2) đúng, (3) đúng, (4) sai

D. (1) sai, (2) sai, (3) đúng, (4) đúng

## *Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh lớp 12 Bài 37: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật*

Câu 1: D

Câu 2: A

Câu 3: A

Câu 4: C

Câu 5: C

Câu 6: A

Câu 7: C

Câu 8: C

Câu 9: A

Câu 10: A

Câu 11: B

Câu 12: D

Câu 13: C

Câu 14: D

Câu 15: D

Câu 16: B

Câu 17: B

Câu 18: B

Câu 19: C

Câu 20: C

Câu 21: A

Câu 22: B

Câu 23: A